

Hà Tĩnh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2026 về việc “Xin ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Hằng N**, sinh năm: 1995.

Căn cước công dân: 042195016143.

Địa chỉ: **Thôn T, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.**

Bị đơn: Anh **Trần Phan D**, sinh năm: 1991.

Căn cước công dân: 042091020901.

Địa chỉ: **Thôn T, xã H, tỉnh Hà Tĩnh.**

- Căn cứ các khoản 3, 4 Điều 147; các Điều 212; 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 57, 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chị **Trần Thị Hằng N** và anh **Trần Phan D** đồng ý thuận tình ly hôn.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ con chung*: Chị **N** và anh **D** thống nhất thỏa thuận có 01 con chung tên là **Trần Bá Gia H**, sinh ngày 16/4/2014. Chị **Trần Thị Hằng N** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con **Trần Bá Gia H**; Anh **Trần Phan D** cấp dưỡng nuôi con phương thức cấp dưỡng hằng tháng mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), kể từ tháng 01/9/2026 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị **Trần Thị Hằng N** không yêu cầu anh **Trần Phan D** phải chịu tiền lãi chậm thi hành án.

Anh **Trần Phan D** được quyền thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

2.2. *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Các bên đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị **Trần Thị Hằng N** tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm thuận tình ly hôn và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000161, ngày 04/8/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh, nay không phải nộp nữa.

3. “Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6, 7 và 36 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự”.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 4 - Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND x. Hương Khê, t. Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Trần Đức Chính